

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST

Ngày: 17-9-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
về góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hoàng Môn.

2. Bà Nguyễn Thị Diên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-DS ngày 08/8/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C và vợ là chị Đoàn Ngọc D; Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Minh T trình bày: Chị T có làm chủ hụi, vào năm 2018 chị có mở 02 dây hụi. Dây hụi thứ nhất với số tiền một phần hụi là 500.000 đồng, có 40 hụi viên tham gia, một tháng khui hụi 02 lần vào ngày 05 và ngày 20 hàng tháng (ngày âm lịch). Lần mở hụi đầu tiên là ngày 05/02/2018 âm lịch; dây hụi này chị D tham gia 02 phần, chị D góp hụi được 03 lần. Lần thứ 4 chị D kêu hụi giá 190.000 đồng rồi lĩnh hụi với số tiền 12.970.000 đồng, trong dây hụi này chị D còn 01 phần hụi sống. Sau khi lĩnh hụi chị D đã góp hụi chết lại được 05 lần và góp 05 lần dây hụi sống với tổng số tiền 5.575.000 đồng, rồi từ đó cho đến nay chị D không góp hụi chết cho chị T nữa. Hiện nay dây hụi này chưa mãn.

Dây hội thứ hai với số tiền 01 phần hội là 2.000.000 đồng, có 28 hội viên tham gia, 01 tháng mở hội một lần vào ngày 10 hàng tháng (Ngày âm lịch). Ngày mở hội đầu tiên là ngày 10/3/2018 (âm lịch); dây hội này anh C tham gia 01 phần, anh C góp hội được 02 lần, lần thứ 3 anh kêu hội giá 700.000 đồng rồi lĩnh hội với số tiền 37.800.000 đồng. Sau khi lĩnh hội thì anh C không góp hội chết lại lần nào từ đó cho đến nay. Dây hội này hiện nay chưa mãn.

Như vậy trong 02 dây hội nêu trên anh C và chị D đã lĩnh hội nhưng không góp lại hội chết nay chị T yêu cầu anh C, chị D trả lại số tiền hội đã lĩnh của 02 dây hội với số tiền là 50.770.000 đồng. Tại phiên tòa chị T yêu cầu khấu trừ số tiền mà anh C và chị D đã góp hội chết là 2.500.000 đồng và khấu trừ số tiền phần hội sống là 3.075.000 đồng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Ngọc D trả cho chị T số tiền nợ hội còn lại là 45.195.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Ngọc D để anh, chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh C và chị D không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C, chị D là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Do việc mở hội và tham gia chơi hội giữa các bên đương sự là tự nguyện thỏa thuận. Phần nợ hội của 2 dây hội mà bị đơn anh C, chị D tham gia và lĩnh hội đều có biên nhận của chị D và anh C đã nhận ký nhận tiền hội từ chị T do nguyên đơn cung cấp; bị đơn cố tình vắng mặt không lý do trong quá trình tố tụng, không đưa ra lời trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Khi Tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử thì không nhận. Việc bị đơn nợ hội của nguyên đơn có ông Đoàn U là cha ruột của chị D biết và có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 25/6/2019 (Bút lục số 27) với nội

dung vào khoảng đầu tháng 06/2019 khi chị D và anh C đi làm thuê ở địa phương khác về ở nhà ông thì D có gặp chị T để thỏa thuận trả nợ hụi còn nội dung như thế nào thì ông không rõ.

Do đó, dù bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, không hợp tác gây khó khăn cho Tòa án trong việc thu thập chứng cứ. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được cung cấp, thu thập đúng quy định pháp luật đã chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Về yêu cầu của nguyên đơn tại đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ hụi là 50.770.000 đồng (Năm mươi triệu bảy trăm bảy mươi triệu đồng) và không tính lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa chị T yêu cầu khấu trừ số tiền hụi mà anh C và chị D đã góp và khấu trừ 01 phần hụi sống trong dây hụi 500.000 đồng với số tiền là 5.575.00 đồng, chỉ yêu cầu tổng số tiền trong 02 dây hụi trên mà anh C chị D còn thiếu là 45.195.000 đồng, chị T chỉ yêu cầu tiền hụi mà bị đơn đã lĩnh hụi, không yêu cầu theo số tiền phải góp hụi chết là phù hợp. Yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị áp dụng Điều 471 BLDS năm 2015 về họ, hụi, biếu, phùng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tổng số tiền nợ hụi 45.195.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị T khởi kiện anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Ngọc D; anh C, chị D có nơi cư trú tại ấp Kinh 14, xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị T yêu cầu anh C và chị D trả cho chị số tiền nợ hụi trong 02 dây hụi do anh C và chị D lĩnh hụi mà chưa góp hụi chết lại cho chị tổng số tiền là 50.770.000 đồng. Tại phiên tòa chị T yêu cầu khấu trừ số tiền mà anh Cuộc chị D đã góp và khấu trừ 01 phần hụi sống trong dây hụi 500.000 đồng, số tiền là 5.575.000 đồng nên chị T chỉ yêu cầu anh C và chị D trả cho chị số tiền nợ trong 02 dây hụi còn lại là 45.195.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[1.3] Tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định số tiền anh C và chị D còn thiếu là 45.195.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[1.4] Bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh C và chị D không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C, chị D.

[2] *Nội dung tranh chấp:* Vào năm 2018 chị T có làm chủ hội, trong đó chị D, anh C có tham gia 02 dây hội, 01 dây 500.000 đồng tham gia 02 phần và 01 dây 2.000.000 đồng tham gia 01 phần. Góp hội được một thời gian thì anh C chị D lĩnh hội ở 2 dây hội sau đó không góp phần hội chết cho chị T. Sau nhiều lần yêu cầu nhưng anh C chị D không trả nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C, chị D phải trả số tiền hội vốn gốc mà anh C chị D đã nhận của chị T là 45.195.000 đồng.

[3.1] *Xét yêu cầu của chị T thấy rằng:* Việc thỏa thuận tham gia chơi hội phía chủ hội là chị T có lập sổ ghi việc góp hội và lĩnh hội của các hội viên. Khi đến lượt hội viên lĩnh hội thì chị T đã gom các phần hội và giao tiền hội đầy đủ cho hội viên, tức là chị T đã thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội, chị T xác định đây là hội có lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập anh C chị D làm việc và liên hệ chính quyền địa phương để làm việc với anh chị nhưng anh chị cố tình trốn tránh và không hợp tác với Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Mặc dù anh C và chị D không hợp tác, không trình bày rõ về việc chơi hội, cố tình trốn tránh nhưng trong quá trình chơi hội chị T có lập sổ hội và khi giao tiền hội cho hội viên thì có làm biên nhận. Tại biên nhận đề ngày 23/3/2018 và ngày 13/5/2018 (Bút lục 24 và 24A) có thể hiện anh C và chị D đã nhận tổng số tiền hội trong 02 dây hội đã lĩnh là 50.770.000 đồng. Hơn nữa tại biên bản làm việc với ông Đoàn U (là cha ruột của chị Đoàn Ngọc D) ông U xác định vào khoảng đầu tháng 06/2019 khi chị D và anh C đi làm thuê ở địa phương khác về ở nhà ông thì D có gặp chị T để thỏa thuận trả nợ hội còn nội dung như thế nào thì ông không rõ. Điều này thể hiện việc anh C và chị D còn nợ tiền hội của Chị T là có thật. Trong 02 dây hội mà anh C và chị D tham gia do chị T làm chủ hội tính đến nay chưa mãn hội nên chị T chỉ yêu cầu số tiền lúc lĩnh hội mà chị đã giao cho phía anh C, chị D chứ không tính tiền hội chết và yêu cầu chấm dứt các dây hội với anh C và chị D là phù hợp. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ và hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng phía anh C và chị D có tham gia chơi hội, đã lĩnh hội sau đó không góp các phần hội chết cho chủ hội. Sau khi khấu trừ số tiền hội mà anh C,

chị D đã đóng cho chị T là 5.575.000 đồng (Trong đó có 5 lần hui chết đã góp là 2.500.000 đồng và 09 lần góp của phần hui sống 500.000 đồng với số tiền là 3.075.000 đồng) thì anh C và chị D còn thiếu lại chị T tổng số tiền trong các dây hui đã lĩnh là 45.195.000 đồng nhưng anh C và chị D không đóng lại cho chị T là vi phạm nghĩa vụ của hui viên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 (Quy định về nghĩa vụ của hui viên) của Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc anh C và chị D phải trả cho chị T tổng số tiền nợ hui 45.195.000 đồng.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền án phí dân sự sơ thẩm 5% là: 45.195.000 đồng x 5% = 2.259.750 đồng, bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Ngọc D bị buộc trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 93; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 468, Điều 471 của Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui của chị Nguyễn Minh T đối với anh Nguyễn Văn C, chị Đoàn Ngọc D.

Buộc anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Ngọc D phải trả cho chị Nguyễn Minh T số tiền nợ hui là 45.195.000 đồng.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh C, chị D không trả đủ số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Ngọc D phải chịu án phí là 2.259.750 đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.269.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000094, ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn chị Nguyễn Minh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2019); Bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**